

Bản án số: 714/2018/KDTM-PT

Ngày: 31/7/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HCM

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thanh Thủy

Ông Lê Công Toại

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phượng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố HCM

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM tham gia phiên tòa: **Bà Phùng Thị Lan** – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố HCM: số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố HCM xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 1836/2017/KDTM-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân quận BT. , Thành phố HCM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3117/2018/QĐPT-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý T. của các tổ chức tín dụng VN.

Địa chỉ: 22 Hàng V, Phường Lý Thái T, Quận Hoàn K, Thành phố HN.

Đại diện ủy quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn CT. (Hợp đồng ủy quyền số 1706/2015/UQ.VAMC2SGB ngày 27/4/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 19177/2015/UQMC2-SAIGONBANK ngày 16/9/2015)

Địa chỉ: Số 2C Phó Đức C, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố HCM

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ – sinh năm 1978 (Giấy ủy quyền số 639/GUQ/HC-2015 ngày 04/12/2015) (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C – Sinh năm 1962 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị B. – Sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 8B đường D2, Văn Thánh Bắc, Phường 25, Quận BT. ,
Thành phố HCM.

Người có quyền vụ lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn H. – Sinh năm 1960; (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Tân H. – Sinh năm 1993

2/ Bà Phan Thị N– Sinh năm 1964; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 137 (số cũ 15E4) Chu Văn A, Phường 26, Quận BT. ,
Thành phố HCM.

3/ Ông Nguyễn Văn H. – Sinh năm 1966; (vắng mặt)

4/ Bà Trần Thị Bạch Y – Sinh năm 1971; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 168 Chu Văn An, Phường 26, Quận BT. , Thành phố HCM.

5/ Công ty cổ phần Hướng nghiệp Á Âu; (vắng mặt)

Địa chỉ: 63-65 đường số 1, Cư xá Chu Văn An, Phường 26, Quận BT. ,
Thành phố HCM

6/ Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel; (vắng mặt)

Địa chỉ: 351A1 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận BT. , Thành phố
HCM.

7/ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương;

Địa chỉ: 2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành
phố HCM.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Giang (Giấy ủy quyền số
66/GUQ-SGB ngày 28/3/2018) (có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Cương, Bà Nguyễn Thị B. và ông
Nguyễn Văn Hữu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý T.của các tổ chức tín dụng VN. (VAMC) và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn CT. (ngân hàng) có ký hợp đồng mua bán nợ số 107/2017 ngày 27 tháng 4 năm 2014 để bán các khoản nợ của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. vay của ngân hàng cho VAMC tổng số tiền cho vay của các hợp đồng tín dụng bán theo hợp đồng mua bán nợ nói trên là 14.300.000.000 đồng, trong đó tổng số tiền khách hàng đã nhận là 14.300.000.000 đồng gồm các hợp đồng tín dụng số 32/2010/HĐTDDA-CN ngày 31/3/2010, Giấy nhận nợ, sửa đổi bổ sung số 32-01A/GNNSĐBS ngày 28/4/2012 và hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 32A/HĐTDBS-CN-2015 với số tiền nhận vay là 4.500.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng số 39/2011/HĐTDDA-CN ngày 11/5/2011, Hợp đồng sửa đổi bổ sung

số 39-01A/GNNSĐBS/2012 ngày 28 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 39A/HĐTDBS-CN-2015 với số tiền nhận vay là 8.300.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 26/2012/HĐTDDA-CN ngày 14/4/2012, giấy nhận nợ sửa đổi bổ sung số 26 GNNSĐBS ngày 28/4/2012 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 26A/HĐTDBS-CN-2015 với số tiền nhận vay là 1.500.000.000 đồng

T.đảm bảo cho các khoản vay theo ba hợp đồng tín dụng nêu trên gồm:

Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 351A1 Nơ Trang Long Phường 13 Quận BT. thành phố HCM, do ông Nguyễn Văn H. và bà Phan Thị Nhứt tên theo Hợp đồng thế chấp số 66/HĐBĐ-2009 ngày 07/5/2009 được Phòng công chứng số 6 chứng nhận theo số 9950 quyền số 5 ngày 07/5/2009 và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 41-2009-3469 ngày 7/5/2009 tại Phòng Tài nguyên môi trường quận BT. Thành phố HCM

Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 65 đường số 1 cư xá Chu Văn An, Phường 26, quận BT. Thành phố HCM do ông Nguyễn Văn Hảo và bà Trần Thị Bạch Y đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 31/HĐBĐ-2010 ngày 31 tháng 3 năm 2010, được Phòng công chứng số 6 chứng nhận theo số 5473, quyền số 3, ngày 31 tháng 3 năm 2010, và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 41-2010-1565 ngày 31/3/2010 tại Phòng Tài nguyên môi trường quận BT. Thành phố HCM

Tổng dư nợ của 2 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2017 là 17.798.539.095, trong đó nợ gốc là 9.565.231.930 đồng và nợ lãi 8.233.307.165 đồng. Chi tiết dư nợ của các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 39 ngày 11 tháng 5 năm 2011 là 15.499.811.182 đồng, trong đó nợ gốc là 8.300.000.000 đồng và nợ lãi là 7.199.811.182 đồng; hợp đồng tín dụng số 26 ngày 14 tháng 4 năm 2012 là 2.298.727.913 đồng, trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi là 1.033.495.983 đồng.

Trong thời hạn vay vốn kể từ tháng 3 năm 2012 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. trả nợ đầy đủ, từ tháng 4 năm 2012 do hoạt động kinh doanh khó khăn ông C và bà B. được ngân hàng chấp thuận cho cơ cấu nợ vay. Tuy nhiên đến hạn cơ cấu vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 ông C và bà B. đã không trả nợ nên toàn bộ nợ vay của ông C và bà B. đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2015, ngân hàng có văn bản nhắc nhở nhưng ông C và bà B. vẫn vi phạm; vì vậy, VAMC khởi kiện yêu cầu: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. thanh toán cho VAMC toàn bộ các khoản nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khoản nợ tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2015 là 17.798.539.095 đồng bao gồm: nợ gốc 9.565.231.930 đồng, nợ lãi 8.233.307.165 đồng. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. tiếp tục thanh toán lãi phát sinh ra từ ngày 25 tháng 8 năm 2017 theo các hợp đồng tín dụng ký kết cho đến khi thanh toán nợ xong, trong trường hợp ông C và bà B. không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị cho xử lý các T.thế chấp nêu trên. Trường hợp sau khi bán hết T.đảm bảo không đủ

trả tiền góp vốn vay, tiền lãi, lãi phạt có liên quan chi phí phát mãi T.ước có của Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu

Theo bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2016 biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. là bị đơn trình bày: ông Cương và bà Bích xác nhận có vay của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn CT. số tiền là 14.300.000.000 đồng. Việc vay tiền thể hiện ông Cương, bà Bích có ký kết hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ sửa đổi, bổ sung và hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung, T.thế chấp cho các hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Cương và bà Bích đang nợ số tiền vốn và lãi như đại diện của VAMC trình bày là đúng. Do hiện nay gặp khó khăn nên ông Cương và bà Bích đề nghị trả dần tiền

Theo bản tự khai ngày 15 tháng 01 năm 2016, ông Nguyễn Văn H. và bà Phan Thị N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: do quen biết nhau nên ông Hữu, bà Ngân và ông Cương, bà Bích có ký hợp đồng thế chấp số 66 ngày 7 tháng 5 năm 2009 theo đó ông Hữu và bà Ngân thế chấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 351 A1 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận BT. , Thành phố HCM do ông Hữu và bà Ngân đứng tên để đảm bảo một phần nghĩa vụ trả nợ vay bảo lãnh của ông Cương và bà Bích, bao gồm: nợ gốc 7.369.500.000 đồng, nợ lãi, lãi phạt quá hạn và các chi phí khác theo hợp đồng tín dụng số 105 ngày 24 tháng 4 năm 2009 với thời hạn là 2 năm. Nhưng qua hơn 2 năm, ông Cương và bà Bích vẫn chưa giải chấp căn nhà, mặc dù ông Hữu và bà Ngân có yêu cầu và ông Cương, bà Bích có các văn bản cam kết. Tuy nhiên khi kết thúc hợp đồng vào tháng 4 năm 2011 thì ngày 25 tháng 8 năm 2012, ông Cương và bà Bích và ngân hàng tự ý gia hạn hợp đồng mà không có ý kiến của ông Hữu và bà Ngân trong các hợp đồng tín dụng số 32 ngày 31 tháng 3 năm 2010, hợp đồng tín dụng số 39 ngày 11 tháng 5 năm 2011, hợp đồng tín dụng số 26 ngày 14 tháng 4 năm 2012. Ông Hữu thống nhất với ông Cương về đề nghị trả tiền số vốn tiền vay và lãi chậm nhất là 31 tháng 12 năm 2016, trường hợp ông Cương, bà Bích không trả tiền thì đề nghị phát mãi nhà máy thuộc quyền sở hữu của ông Cương. Ông Hữu không đồng ý phát mãi T.thế chấp của ông để trả nợ cho nguyên đơn vì ông Hữu đã bị ông Cương và bà Bích lừa.

Theo bản tự khai ngày 7 tháng 6 năm 2016 ông Nguyễn Văn Hào, và bà Trần Thị Bạch Y trình bày: Ông Hào và bà Yến có ký kết hợp đồng thế chấp số 31 ngày 31 tháng 5 năm 2010 thế chấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 65 đường số 1 cư xá Chu Văn An, phường 26, quận BT. , Thành phố HCM do ông Nguyễn Văn Hào và bà Trần Thị Bạch Y đứng tên chủ sở hữu để đảm bảo các hợp đồng tín dụng số 32 ngày 31 tháng 3 năm 2010, hợp đồng tín dụng số 39 ngày 11 tháng 5 năm 2011 và hợp đồng tín dụng số 26 ngày 14 tháng 4 năm 2012 được ký kết giữa ông Cương, bà Bích và ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương, việc vay vốn ngân hàng CT. và bà Bích thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, ông Hào và bà Yến đồng ý thế chấp T.đảm bảo cho việc vay vốn nêu trên nên ông Hào và bà Yến không có ý kiến gì và các hợp đồng tín dụng vay ngân hàng khởi kiện thanh lý T.ông Hào và bà Yến đề nghị

ngân hàng tạo điều kiện cho ông Cương và bà Bích thực hiện cam kết đối với ngân hàng. Bà Yến đề nghị thực hiện nghĩa vụ thế chấp bằng hình thức xin trả vốn và giảm tiền lãi còn 3.750.000.000 đồng. Vừa qua bà Yến đã trả thay cho ông Cương 750.000.000 đồng. Nay xin trả nốt số tiền còn lại là 3.000.000.000 đồng.

Theo bản tự khai Công ty cổ phần hướng nghiệp Á Âu là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: theo hợp đồng thuê nhà ngày 5 tháng 5 năm 2015, công ty cổ phần hướng nghiệp Á Âu có thuê T.là quyền sử dụng đất và T.gắn liền với đất tại hai địa chỉ số 63 và 65 đường số 1 cư xá Chu Văn An, quận BT. , Thành phố HCM để làm cơ sở dạy nghề của bà Trần Thị Bạch Yến.

Theo Bản tự khai ông Trần Thanh Giang là người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn CT. trình bày: về nội dung ông đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và đề nghị tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án số 1836/2017/KDTM-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân quận BT. , Thành phố HCM đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH MTV Quản lý T.của các tổ chức tín dụng VN. là nguyên đơn về việc khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 39/2011/HĐTDDA-CN ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 39A/HĐTDBS-CN-2015 ngày 05/5/2015; Hợp đồng tín dụng số 26/2012/HĐTDTL-CN ngày 14/4/2012 và hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 26A/HĐTDBS-CN-2015 ngày 05/5/2015.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý T.của các tổ chức tín dụng VN. số tiền vốn là 9.565.231.930 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2017 là 8.233.307.165 đồng, tổng số tiền là 17.798.539.095 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. không trả đầy đủ, đúng hạn số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì Công ty TNHH MTV Quản lý T.của các tổ chức tín dụng VN. có quyền yêu cầu phát mãi T.bảo đảm là Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 351A1 Nơ Trang Long Phường 13 Quận BT. thành phố HCM, do ông Nguyễn Văn H. và bà Phan Thị Nhúng tên và Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 65 đường số 1 cư xá Chu Văn An phường 26 quận BT. Thành phố HCM do ông Nguyễn Văn Hảo và bà Trần Thị Bạch Y đứng tên để thu hồi nợ

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2017, Bị đơn ông Nguyễn Văn Cương, bà Nguyễn Thị B. và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn H. kháng cáo toàn bộ bản án số 1836/2017/KDTM-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân quận BT. , Thành phố HCM.

Tại phiên Toà phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Cương: Đề nghị Công ty TNHH MTV Quản lý T.của các tổ chức tín dụng VN. giảm lãi suất và cho bị đơn có thêm thời gian thanh toán nợ.

Ông Nguyễn Lê Tân Huy-Đại diện ông Nguyễn Văn Hữu: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm không tiến hành định giá T.thế chấp của ông Hữu và bà Ngân. Ngân hàng gia hạn việc thế chấp T.của ông Hữu và bà Ngân nhưng không thông báo cho ông Hữu và bà Ngân biết.

Đại diện nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý T.của các tổ chức tín dụng VN. đã xem xét giảm lãi cho ông Cương và bà Bích nhưng ông Cương và bà Bích không thực hiện cam kết với Ngân hàng và cũng không trả thêm cho Ngân hàng khoản tiền nào. Vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM phát biểu – đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Văn Hữu, giữ y án sơ thẩm vì ông Cương và đại diện ông Hữu không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc kháng cáo của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét, bà Phan Thị Ngân, bà Trần Thị Bạch Yến, ông Nguyễn Văn Hào, Công ty CP Hướng nghiệp Á Âu, Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy, bà Nguyễn Thị B. là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. theo Điều 296 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C

[3] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 39/2011/HĐTDDA-CN ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 39A/HĐTDBS-CN-2015 ngày 05/5/2015; Hợp đồng tín dụng số 26/2012/HĐTDTL-CN ngày 14/4/2012 và hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 26A/HĐTDBS-CN-2015 ngày 05/5/2015 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Cương, bà Nguyễn Thị Bích, với nội dung: Ngân hàng TMCP Sài Gòn CT. cho ông Nguyễn Văn C và bà

Nguyễn Thị B. vay tổng số tiền 14.300.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất 21%/năm, điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Cương và bà Bích đã trả được cho nguyên đơn số tiền nợ: 4.734.768.070 đồng tiền nợ gốc và 4.554.656.672 đồng tiền lãi và tính đến ngày 25/8/2017, ông Cương và bà Bích còn nợ số tiền 17.798.539.095 đồng, trong đó nợ gốc 9.565.231.930 đồng, nợ lãi quá hạn 8.233.307.165 đồng. Tại phiên tòa, ông Cương cũng thừa nhận còn thiếu Ngân hàng số tiền nợ gốc nêu trên. Vì vậy cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. thanh toán cho VAMC là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Cyêu cầu xem xét lại mức lãi của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương; Hội đồng xét xử, xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 39/2011/HĐTDDA-CN ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 39A/HĐTDDA-CN ngày 05/5/2015; Hợp đồng tín dụng số 26/2012/HĐTĐA-CN ngày 14 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 26A/HĐTDBS-CN-2015 ngày 05 tháng 5 năm 2015 thì giao dịch giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn CT. và bà ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. là quan hệ hợp đồng tín dụng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Tại Khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận lãi suất...”; do vậy việc ngân hàng căn cứ vào hợp đồng để tính mức lãi suất quá hạn là 21%/năm với số tiền lãi 8.233.307.165 đồng từ ngày 14/04/2012 đến ngày 25/8/2017 là đúng quy định pháp luật, cấp sơ thẩm buộc Cương và bà Bích trả số tiền lãi quá hạn còn thiếu nêu trên là đúng theo hợp đồng hai bên đã ký nên với yêu cầu kháng cáo ông Cương là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Hữu.

[5] Tại phiên tòa, đại diện ông Hữu cho rằng cấp sơ thẩm không định giá T.thế chấp là Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 351A1 Nơ Trang Long Phường 13 Quận BT. thành phố HCM, gây thiệt hại đến quyền lợi của ông Nguyễn Văn H. và bà Phan Thị Nnên đề nghị hủy án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng, không phải tranh chấp T.nên không thuộc trường hợp Tòa án phải ra quyết định định giá theo Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy với yêu cầu kháng cáo này của ông Hữu là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét thấy, căn cứ các văn bản: Giấy đề nghị vay vốn ngày 25/4/2011, Giấy đề nghị ngày 21/11/2012 có nội dung: Ông Nguyễn Văn H. và bà Phan Thị Nchấp thuận tiếp tục sử dụng Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 351A1 Nơ Trang Long Phường 13 Quận BT. thành phố HCM để đảm bảo cho khoản vay của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. với số tiền 7.369.500.000 đồng. Như vậy, việc đại diện ông Hữu cho rằng Ngân hàng không thông báo cho ông Hữu và bà Ngân biết về việc gia hạn T.thế chấp của ông bà nên không đồng ý phát mãi T.thế chấp nêu trên là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về T.đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 351A1 Nơ Trang Long Phường 13 Quận BT. thành phố

HCM, do ông Nguyễn Văn H. và bà Phan Thị Nhúng tên theo Hợp đồng thế chấp số 66/HĐBĐ-2009 ngày 7 tháng 5 năm 2009 được Phòng công chứng số 6 chứng nhận theo số 9950 quyền số 5 ngày 7 tháng 5 năm 2009 và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 41-2009-3469 ngày 7 tháng 5 năm 2009 tại Phòng Tài nguyên môi trường quận BT. Thành phố HCM; Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 65 đường số 1 cư xá Chu Văn An phường 26 quận BT. Thành phố HCM do ông Nguyễn Văn H. và bà Trần Thị Bạch Y đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 31/HĐBĐ-2010 ngày 31 tháng 3 năm 2010, được Phòng công chứng số 6 chứng nhận theo số 5473, quyền số 3, ngày 31 tháng 3 năm 2010, và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 41- 2010-1565 ngày 31 tháng 3 năm 2010 tại phòng Tài nguyên môi trường quận BT. Thành phố HCM. Xét thấy, việc thế chấp các T.nêu trên là là hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy VAMC yêu cầu phát mãi T.thế chấp nêu trên để thu hồi nợ trong trường hợp ông Cương và bà Bích không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đầy đủ là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích, bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Hữu, giữ nguyên án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM.

[8] Các nội dung khác không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[9] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Ông Nguyễn Văn Cương, Bà Nguyễn Thị B. và ông Nguyễn Văn H. phải chịu án phí 2.000.000 đồng. Ông Cương và ông Hữu đã nộp đủ. Riêng bà Nguyễn Thị B. đã tạm nộp án phí 300.000 đồng nên bà Bích còn phải nộp 1.700.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Hữu.

3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý T. của các tổ chức tín dụng VN. :

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý T. của các tổ chức tín dụng VN. số tiền nợ gốc là 9.565.231.930 đồng (chín tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm ba mươi đồng) và tiền lãi tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2017 là 8.233.307.165 đồng (Tám tỷ hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm lẻ bảy nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng), tổng số tiền là 17.798.539.095 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm chín mươi tám triệu năm trăm ba mươi chín nghìn không trăm chín mươi lăm đồng).

Lãi tiếp tục tính trên dư nợ vốn thực nợ, kể từ ngày 26/8/2017 cho đến ngày ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. thực trả hết nợ vốn, theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. không trả đầy đủ, đúng hạn số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì Công ty TNHH MTV Quản lý T. của các tổ chức tín dụng VN. có quyền yêu cầu phát mãi T. bảo đảm là Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 351A1 Nơ Trang Long Phường 13 Quận BT. thành phố HCM, do ông Nguyễn Văn H. và bà Phan Thị Nhường tên theo Hợp đồng thế chấp số 66/HĐBĐ-2009 ngày 7 tháng 5 năm 2009 được Phòng công chứng số 6 chứng nhận theo số 9950 quyền số 5 ngày 7 tháng 5 năm 2009 và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 41-20 09-3469 ngày 7 tháng 5 năm 2009 tại phòng Tài nguyên môi trường quận BT. Thành phố HCM; Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 65 đường số 1 cư xá Chu Văn An phường 26 quận BT. Thành phố HCM do ông Nguyễn Văn Hảo và bà Trần Thị Bạch Y đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 31/HĐBĐ-2010 ngày 31 tháng 3 năm 2010, được Phòng công chứng số 6 chứng nhận theo số 5473, quyền số 3, ngày 31 tháng 3 năm 2010, và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 41- 2010-1565 ngày 31 tháng 3 năm 2010 tại phòng Tài nguyên môi trường quận BT. Thành phố HCM để thu hồi nợ

5. Về án phí.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. chịu 125.798.539 (một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn năm trăm ba mươi chín) đồng;

Hoàn lại cho Công ty TNHH MTV Quản lý T. của các tổ chức tín dụng VN. số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.354.000 (sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu số ngày 0002776 ngày 10/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận BT. , Thành phố HCM.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0002882 ngày 12/9/2017 và 1.700.000 (một triệu bảy trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003378 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận BT. , Thành phố HCM. Ông Nguyễn Văn C đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn H. phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0002857 ngày 08/9/2017 và 1.700.000 (một triệu bảy trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003357 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận BT. , Thành phố HCM. Ông Nguyễn Văn H. đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị B. phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002881 ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận BT. , Thành phố HCM. Bà Nguyễn Thị B. còn phải nộp 1.700.000 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q. BT. ;
- Chi cục THADS Q.BT. ;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Thu Chinh

Hà Thanh Thủy

Nguyễn Thị Trinh

